



CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax advisory
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Bùi Thị Hải Yến	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 02 năm 2025)
Ông Nguyễn Đình Vinh	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2025
Bà Nguyễn Minh Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2025)
Bà Cao Mai Khanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hiếu	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 02 năm 2025)
Bà Bùi Thị Hải Yến	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 02 năm 2025)
Bà Nguyễn Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Cao Mai Khanh	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Bà Bùi Thị Hải Yến	Tổng Giám đốc (Đến ngày 26 tháng 02 năm 2025)
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Tổng Giám đốc (Từ ngày 26 tháng 02 năm 2025)

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102206, thay đổi lần thứ 8 ngày 12 tháng 3 năm 2025)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo, ✓



Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Số: 196 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hanel

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, một số khoản đầu tư tài chính chưa được xem xét khả năng tổn thất để trích lập dự phòng (chi tiết tại Thuyết minh số 6.b - Phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) với giá trị ghi sổ khoảng 13,2 tỷ đồng; giá trị dự phòng các khoản đầu tư này đã được trích lập với số tiền là khoảng 4,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được liệu có phải điều chỉnh dự phòng đầu tư đã trích lập cho các khoản đầu tư này hay không cũng như các ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thu hồi được của dự án truyền hình Hanel TV (dự án của Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel - Công ty con của Công ty) đang ghi nhận trên chi tiêu Hàng tồn kho của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với số tiền khoảng 5,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán cần thiết liên quan đến việc đánh giá khả năng thu hồi của dự án; theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này thay không.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, các công ty con - Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel chưa trích lập đầy đủ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi với số tiền cần trích lập bổ sung là khoảng 8,9 tỷ đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” sẽ tăng và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ giảm; khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng và “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sẽ giảm cùng số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hanel tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo đến các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại đó mô tả thông tin bổ sung cho việc lập và trình bày các chỉ tiêu của báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

- Thuyết minh số 01 và Thuyết minh số 06 mô tả về việc Công ty đang ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt và Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long trên Chi tiêu Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hanel tại các đơn vị trên thấp hơn 20%. Theo đó, Công ty không đánh giá lại các khoản đầu tư trên theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Thuyết minh số 25 mô tả về việc Công ty tạm phân phối lợi nhuận (cho các quỹ) năm 2025 theo Nghị quyết số 03/2026/NQHĐQT-HANEL ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng Quản trị. Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt vào kỳ đại hội thường niên năm 2026.
- Thuyết minh số 41.2 trình bày thông tin về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội; một số thửa đất, tài sản trên đất chưa được sắp xếp, xử lý nhà đất, theo đó, các lô, thửa đất và tài sản này có thể sẽ phải điều chỉnh (nếu có) theo các quyết định cụ thể của Cơ quan nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành khác.
- Thuyết minh số 41.3 trình bày thông tin chi tiết về việc áp dụng Công văn số 11458/BTC-TCNH ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính trong ghi nhận, sử dụng các khoản tiền lãi nhận được từ Grupo De La Electronica - Cộng hòa Cu Ba, thanh toán nợ vay tín dụng xuất khẩu cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và việc ghi nhận doanh thu - chi phí tài chính trên cơ sở thận trọng theo dòng tiền thực tế thanh toán từ đối tác.
- Thuyết minh số 42 trình bày thông tin về một số khoản tài sản và công nợ tiềm tàng liên quan đến khoản lãi phát sinh từ khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G, Grupo De La Electronica và CUBAELECTRONICA HAVANA CUBA, giá trị lợi thế của hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện dự án tại 409 Lĩnh Nam, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội, và quá trình xử lý bàn giao diện tích 126 m² của 6 kiot tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng 11, 12, 13 Nam Thành Công và văn phòng làm việc, giao dịch của Công ty tại số 165 Thái Hà, phường Đồng Đa, thành phố Hà Nội.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc: (i) Kiểm toán viên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được liệu có phải điều chỉnh dự phòng đầu tư đã trích lập cho các khoản đầu tư; (ii) Kiểm toán viên không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng thu hồi của các chi phí đã phát sinh của các công trình/dự án dở dang; (iii) Công ty con chưa trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi; các vấn đề nhấn mạnh với nội dung tiếp tục được trình bày trên Báo cáo kiểm toán năm 2025.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2737-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.200.451.326.296	1.120.611.365.489
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	118.903.045.622	135.928.306.537
1. Tiền	111		58.273.546.195	65.045.162.930
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.629.499.427	70.883.143.607
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	829.770.012.487	707.880.600.447
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		829.770.012.487	707.880.600.447
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.282.305.432	180.198.062.299
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	178.885.049.505	173.936.211.274
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	24.332.547.758	10.941.466.868
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	143.587.378.500	182.132.508.421
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(191.522.670.331)	(186.812.124.264)
IV. Hàng tồn kho	140	11	46.229.646.080	48.185.442.713
1. Hàng tồn kho	141		46.376.702.880	48.332.499.513
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(147.056.800)	(147.056.800)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		50.266.316.675	48.418.953.493
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	5.397.168.189	5.235.985.961
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.633.180.742	42.829.738.188
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	13	235.967.744	353.229.344
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.363.856.286.946	2.353.672.727.425
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.943.223	156.555.331
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	22.943.223	156.555.331
II. Tài sản cố định	220		61.184.329.518	71.033.961.621
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	56.461.159.993	65.611.063.276
- Nguyên giá	222		426.467.364.291	434.027.884.850
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(370.006.204.298)	(368.416.821.574)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	4.723.169.525	5.422.898.345
- Nguyên giá	228		104.206.463.008	104.206.463.008
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.483.293.483)	(98.783.564.663)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	19.283.967.952	25.846.455.710
- Nguyên giá	231		186.756.124.458	186.756.124.458
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(167.472.156.506)	(160.909.668.748)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	17	1.230.357.334.350	1.224.897.473.669
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.230.357.334.350	1.224.897.473.669
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.043.847.696.189	1.023.957.097.092
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		994.327.634.502	967.047.143.051
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		54.240.463.797	54.240.463.797
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.720.402.110)	(3.930.509.756)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	6.600.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.160.015.714	7.781.184.002
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.103.055.413	3.724.223.701
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	4.056.960.301	4.056.960.301
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.564.307.613.242	3.474.284.092.914

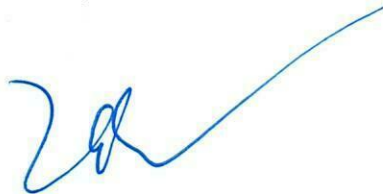
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		837.819.837.792	834.691.475.363
I. Nợ ngắn hạn	310		439.727.358.183	434.608.761.685
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	49.635.925.794	61.710.860.964
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	27.492.998.895	20.470.176.350
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	9.591.548.667	9.541.466.049
4. Phải trả người lao động	314		7.276.344.855	6.836.977.258
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	10.540.804.139	10.691.648.098
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	12.090.869.149	12.442.801.715
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	281.180.154.732	280.483.595.536
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	30.026.478.946	20.104.536.884
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.892.233.006	12.326.698.831
II. Nợ dài hạn	330		398.092.479.609	400.082.713.678
1. Phải trả người bán dài hạn	331	19	12.312.043.353	12.312.043.353
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	87.087.246.897	84.343.093.173
3. Phải trả dài hạn khác	337	23	11.740.830.364	11.739.830.364
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	274.733.861.209	279.572.718.093
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		12.218.497.786	12.115.028.695
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.726.487.775.450	2.639.592.617.551
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	2.726.487.775.450	2.639.592.617.551
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(17.944.000)	(17.944.000)
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(5.796.813.665)	(5.796.813.665)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		160.372.617.964	155.357.937.285
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		477.139.228.082	398.487.771.284
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		324.962.251.732	267.545.398.504
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		152.176.976.350	130.942.372.780
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		168.790.687.069	165.561.666.647
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.564.307.613.242	3.474.284.092.914



Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Bùi Thị Lệ Kiều
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ



Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		810.397.900.856	784.716.474.899
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.236.000	285.080.951
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	810.395.664.856	784.431.393.948
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	707.154.314.352	672.341.292.105
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		103.241.350.504	112.090.101.843
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	49.768.915.601	51.909.453.400
7. Chi phí tài chính	22	32	2.130.794.627	2.287.489.999
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		961.406.208	692.459.584
8. Lãi từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		132.027.566.450	138.698.752.492
9. Chi phí bán hàng	25	33	27.485.456.098	25.749.892.377
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	80.160.243.778	87.193.732.963
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26) + 24}	30		175.261.338.052	187.467.192.396
12. Thu nhập khác	31	35	1.164.031.184	2.362.029.474
13. Chi phí khác	32	36	1.520.080.423	2.643.997.392
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(356.049.239)	(281.967.918)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		174.905.288.813	187.185.224.478
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	12.490.285.066	11.745.456.968
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	103.469.091	883.479.104
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		162.311.534.656	174.556.288.406
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		156.009.087.128	167.499.633.941
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.302.447.528	7.056.654.464
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	790	846

Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Bùi Thị Lệ Kiều
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ

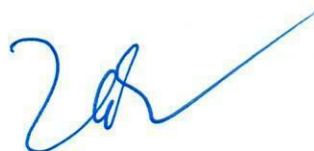


Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	174.905.288.813	187.185.224.478
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	20.599.159.829	19.173.687.105
- Các khoản dự phòng	03	5.500.438.421	3.562.084.569
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.615.254.073)	(1.507.123.104)
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(175.817.722.541)	(183.632.696.366)
- Chi phí lãi vay	06	961.406.208	692.459.584
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.533.316.657	25.473.636.266
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	26.925.871.245	10.991.050.726
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	3.889.052.147	(6.740.786.741)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(16.584.227.075)	5.066.578.385
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	(1.336.222.593)	(3.750.713.590)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(576.947.867)	(306.947.944)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.435.423.081)	(8.742.909.519)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.000.899.451)	(6.380.912.464)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.414.519.982	15.608.995.119
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.665.817.677)	(33.599.406.187)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	823.547.296	338.995.992
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(388.792.100.792)	(532.813.984.927)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	293.768.153.780	511.253.064.658
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	131.122.664.989	124.292.799.708
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	28.256.447.596	67.471.469.244
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	30.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	138.818.782.971	162.383.029.176
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(133.735.697.793)	(142.869.908.562)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(68.489.961.996)	(37.987.933.835)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(63.376.876.818)	(18.474.813.221)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(18.705.909.240)	64.605.651.142
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	135.928.306.537	71.427.862.653
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.680.648.325	(105.207.258)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	118.903.045.622	135.928.306.537







Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Bùi Thị Lệ Kiều
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ

Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hanel (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Hanel theo Quyết định số 5812 ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100102206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010; Giấy chứng nhận thay đổi thứ 8 ngày 12 tháng 3 năm 2025. Vốn điều lệ của Công ty là 1.926.000.000.000 VND (tương đương với 192.600.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm, xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu cho đơn vị kinh tế khác;
- Bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con của Công ty bao gồm:

Công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ Quyền kiểm soát (%)	Ngành nghề kinh doanh
Công ty CP Hanel Xốp nhựa	Hà Nội	56,28%	56,28%	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa
Công ty CP Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	Hà Nội	58,75%	58,75%	Quản lý Khu công nghiệp
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo dạy nghề Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Đào tạo, dạy nghề
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	Hà Nội	66,23%	66,23%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	Hà Nội	63,70%	63,70%	Kinh doanh thương mại
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	Hà Nội	83,71%	86,91%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Truyền thông Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ viễn thông
Công ty CP Giải pháp phần mềm Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp phần mềm
Công ty TNHH Dehaco	Hà Nội	96,38%	100,00%	Sản xuất điện tử, điện lạnh
Công ty TNHH ICD Hà Nội	Hà Nội	60,00%	60,00%	Khai thác kho, bãi
Công ty CP Công nghệ Hanel - DTT	Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Hanel Mobile	Hà Nội	68,22%	83,40%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty TNHH HANEL - CSF	Hà Nội	43,27%	60,14%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Nghiên cứu và Phát triển Hanel	Hà Nội	58,08%	64,54%	Sản xuất thiết bị điện tử

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các Công ty liên kết, liên doanh của Công ty bao gồm:

Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền kiểm soát (%)	Ngành nghề kinh doanh
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	Hà Nội	27,00%	27,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Công nghệ thè NACENCOMM	Hà Nội	20,00%	20,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt	Hà Nội	10,21%	10,21%	Xây dựng công trình dân dụng
Công ty TNHH Hanel Telecom	Hà Nội	48,39%	48,39%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Sản xuất, Gia công & XNK Hanel	Hà Nội	20,00%	20,00%	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện tử
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Daeha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ
Công ty CP Vé giao thông công cộng Hà Nội	Hà Nội	25,00%	25,00%	Vận tải công cộng
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc (tên cũ: Công ty CP Truyền dẫn, Phát sóng Truyền hình Đồng bằng Sông Hồng)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Công nghệ thông tin, truyền thông
Công ty TNHH Hệ thống dây SUMI-HANEL	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất và tiêu thụ mạng dây điện và điện tử cho CN ô tô
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	Hà Nội	10,00%	10,00%	Điều hành trung tâm tiếp vận, điều hành kho bãi container, làm thủ tục hải quan, vận tải nội địa...
Công ty CP Cây thuốc và Hương liệu Việt	Hà Nội	12,74%	20,00%	Kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng, hợp chất thiên nhiên tự thảo dược

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Lãnh đạo Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Lãnh đạo đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các Thuyết minh số 15;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b, và c trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Góp vốn liên doanh (tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: Việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại bên nhận đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty đang áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 28
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
TSCĐ hữu hình khác	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm, bằng sáng chế và tài sản cố định vô hình khác.

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Bằng sáng chế và thương hiệu: Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phần mềm máy tính: Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính đang sử dụng tại Công ty và đang được khấu hao với thời gian đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình khác: Tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 02 đến 22 năm theo thời gian phân bổ doanh thu cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tài sản, văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 (ba) năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, doanh thu chưa thực hiện và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Doanh thu chưa thực hiện phản ánh các khoản doanh thu nhận trước tương ứng với nghĩa vụ của Công ty sẽ phải thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện của Công ty là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn góp của chủ sở hữu được xác định theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Trích lập các quỹ: Lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty được phân phối vào các quỹ và bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi không quá 03 (ba) tháng lương thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được chi trả cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trợ cấp thôi việc cho nhân viên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm chi trả. Công ty đã thực hiện trích trước số tiền Dự phòng trợ cấp thôi việc vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ngày 27 tháng 6 năm 2017, tuy nhiên, không được cơ quan thuế và Chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm đó là UBND TP. Hà Nội chấp nhận là chi phí hợp lý và không được thực hiện bàn giao sang Công ty Cổ phần; Do đó, nếu thực hiện trích trước vào chi phí thì số trợ cấp thôi việc phải trả đối với các cán bộ công nhân viên hiện đang làm việc có thời gian lao động tại Công ty từ ngày 31 tháng 12 năm 2008 trở về trước còn làm việc đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị trợ cấp thôi việc ước tính sẽ là 1.166.630.467 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Lãnh đạo về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan trong năm của Công ty bao gồm:

- Các công ty liên doanh, liên kết;
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.358.956.446	4.789.830.470
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.914.589.749	60.255.332.460
Các khoản tương đương tiền (i)	60.629.499.427	70.883.143.607
Cộng	118.903.045.622	135.928.306.537

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn	829.770.012.487	829.770.012.487	707.880.600.447	707.880.600.447
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	728.331.012.487	728.331.012.487	529.075.600.447	529.075.600.447
- Chứng chỉ tiền gửi (ii)	101.439.000.000	101.439.000.000	178.805.000.000	178.805.000.000
a2) Dài hạn	-	-	6.600.000.000	6.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	6.600.000.000	6.600.000.000

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các tổ chức tín dụng.
- (ii) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn và Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC.

b) Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết

- Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 xem tại Thuyết minh số 01 - Thông tin khái quát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (*) *Giá trị hợp lý:* Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	178.035.737.501	173.067.919.890
Cubaelectronica Havana Cuba (i)	23.277.916.203	22.540.578.366
Công ty TNHH Quang Trung	16.646.608.478	16.646.608.478
Công ty TNHH Canon Việt Nam	14.629.884.822	16.646.027.095
Tập đoàn Cimex S.A (ii)	13.163.781.731	12.746.813.379
Công ty TNHH Ariston Thermmo Việt Nam	10.308.540.586	10.930.985.613
Chi nhánh Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Hưng Yên	7.422.798.492	9.113.515.095
Công ty TNHH Brother Industries Việt Nam	7.158.032.453	7.911.378.437
Thales Six GTS France SAS	6.551.590.825	4.650.253.253
Công ty Cổ phần BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	2.471.716.738	4.943.433.476
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Điện tử EONE Việt Nam	6.004.055.800	6.504.055.800
Các đối tượng khác	70.400.811.373	60.434.270.898
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	849.312.004	868.291.384
Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát	356.859.301	356.859.301
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	232.821.360	251.800.740
Công ty Cổ phần Cây thuốc và Hương liệu Việt	153.230.000	153.230.000
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel	106.401.343	106.401.343
Cộng	178.885.049.505	173.936.211.274

Ghi chú:

- (i) Khoản công nợ còn phải thu phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 11-I-38059-B ngày 24 tháng 8 năm 2018 đã quá hạn từ nhiều năm trước, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã trích lập dự phòng 100% khoản phải thu này, xem thêm tại Thuyết minh số 42.
- (ii) Khoản công nợ còn phải thu phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 7231570400714 ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã quá hạn từ nhiều năm trước, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã trích lập dự phòng 100% khoản phải thu này, xem thêm tại Thuyết minh số 42.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	23.734.507.717	10.343.426.827
Công ty Cổ phần ĐTTM Hiếu Linh	18.040.176.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Sản xuất Điện - Điện tử Việt - Newtec	1.576.674.429	1.576.674.429
Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	602.300.000	1.221.050.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ TSC Việt Nam	-	2.229.350.838
Công ty TNHH Điện tử Hoàn Kiếm	-	1.974.402.450
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Công nghệ DINA	-	696.063.192
Các đối tượng khác	3.515.357.288	2.645.885.918
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	598.040.041	598.040.041
Công ty Cổ phần Cây thuốc và Hương liệu Việt	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel	298.040.041	298.040.041
Cộng	24.332.547.758	10.941.466.868

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	143.587.378.500	107.779.814.142	182.132.508.421	106.375.279.742
Tạm ứng	7.041.779.055	-	5.853.608.519	-
Ký cược, ký quỹ	612.875.475	-	708.517.780	-
- Đối tượng khác	612.875.475	-	708.517.780	-
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn	13.549.775.146	-	15.660.677.153	-
Các khoản phải thu khác	122.201.380.124	107.613.245.442	159.730.136.269	106.208.711.042
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển N&G (i)	88.920.788.809	88.920.788.809	88.920.788.809	88.920.788.809
- Phải thu về hoàn trả tiền thuê đất đã nộp tại dự án Phạm Hùng	-	-	38.914.200.000	-
- Công ty CP Công nghệ Truyền thông BMTS (ii)	8.938.038.228	-	8.938.038.228	-
- Công ty Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng (iii)	11.943.116.450	9.841.141.632	10.762.643.854	8.436.607.232
- Công ty CP Công nghệ DTT	4.310.000.896	4.310.000.896	4.310.000.896	4.310.000.896
- Top Victory Investment Limite	1.812.527.986	1.812.527.986	1.812.527.986	1.812.527.986
- Phải thu cổ đông cá nhân Công ty CP Nghiên cứu và Phát triển Hanel	1.225.000.000	1.225.000.000	1.225.000.000	1.225.000.000
- Các đối tượng khác	5.051.907.755	1.503.786.119	4.846.936.496	1.503.786.119
Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	181.568.700	166.568.700	179.568.700	166.568.700
Công ty TNHH Hanel Telecom	181.568.700	166.568.700	179.568.700	166.568.700
b) Phải thu khác dài hạn	22.943.223	-	156.555.331	-
Ký cược, ký quỹ	22.943.223	-	156.555.331	-
Cộng	143.610.321.723	107.779.814.142	182.289.063.752	106.375.279.742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Bao gồm khoản gốc đặt cọc 72.757.000.000 VND theo Hợp đồng đặt cọc thuê lại đất số 31-05/HĐ-ĐC ngày 31 tháng 5 năm 2017 và khoản lãi dự thu 16.163.788.809 VND từ hợp đồng đặt cọc của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G tính đến ngày 27 tháng 6 năm 2017 (thời điểm cổ phần hóa).

Theo Bản án phúc thẩm số 02/2023/KDTM-PT ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G phải trả cho Công ty về số nợ theo các hợp đồng hợp vốn và ứng vốn với số tiền gốc và lãi tương ứng tính đến ngày 06 tháng 7 năm 2022 là 70.000.000.000 VND và 77.613.997.259 VND. Công ty chưa hạch toán phần còn lại của khoản lãi được nhận cũng như chưa hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong kế toán; khoản tiền lãi sẽ được ghi nhận và số dự phòng phải thu sẽ được hoàn nhập trên cơ sở số tiền thực thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G theo phán quyết của Tòa án.

- (ii) Khoản phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel - Công ty con của Công ty liên quan đến Hợp đồng liên danh số 14/HDKT/VTC/BMTS-Hanel.17 ngày 26 tháng 10 năm 2017.
- (iii) Khoản phải thu tiền thuê đất mà Công ty con của Công ty - Công ty Cổ phần Hanel Xốp Nhựa trả hộ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Nợ xấu ngắn hạn	192.864.424.494	2.269.623.548	193.309.400.272	7.425.145.393
Công ty CP Đầu tư và Phát triển N&G	88.920.788.809	-	88.920.788.809	-
Cubaelectronica Havana Cuba	24.209.032.778	-	23.442.201.430	-
Công ty TNHH Quang Trung	16.646.608.478	-	16.646.608.478	-
Tập đoàn Cimex S.A	13.690.332.948	-	13.256.685.864	-
Công ty Kinh doanh nhà Vinh Hưng	11.943.116.450	2.101.974.818	10.762.643.854	2.326.036.622
Công ty CP Công nghệ DTT	4.497.110.896	-	4.497.110.896	-
Công ty CP Đầu tư Hanpad	4.230.438.825	-	4.230.438.825	-
Văn phòng đại diện AOC Việt Nam	3.940.798.751	-	3.940.798.751	-
Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ NAKIO	1.383.024.460	-	1.383.024.460	-
Phải thu cổ đông cá nhân Công ty CP Nghiên cứu và Phát triển Hanel	1.225.000.000	-	1.225.000.000	-
Công ty CP Công nghệ truyền thông BMTS	3.479.731.735	-	3.479.731.735	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Tàu	759.717.605	-	759.717.605	-
Công ty TNHH Borderless Integrators	733.641.689	-	733.641.689	-
Các đối tượng khác	17.205.081.070	167.648.730	20.031.007.876	5.099.108.771
b) Nợ xấu là các bên liên quan	942.869.385	15.000.000	940.869.385	13.000.000
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	404.441.384	-	404.441.384	-
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	356.859.301	-	356.859.301	-
Công ty TNHH Hanel Telecom	181.568.700	15.000.000	179.568.700	13.000.000
Cộng	193.807.293.879	2.284.623.548	194.250.269.657	7.438.145.393

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.213.133.028	-	11.736.840.928	-
Công cụ, dụng cụ	88.880.582	-	88.880.582	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.663.453.985	-	14.182.544.678	-
Thành phẩm	22.963.745.663	-	16.879.330.840	-
Hàng hóa	2.447.489.622	(147.056.800)	5.444.902.485	(147.056.800)
Cộng	46.376.702.880	(147.056.800)	48.332.499.513	(147.056.800)

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án dịch vụ truyền hình Hanel TV (i)	5.629.319.002	7.309.319.002
Dự án Thuê phần mềm RICS-PACS tại cơ sở 3 - Bệnh viện K (ii)	535.349.600	-
Dự án xây dựng bản đồ số, hệ thống khai thác dữ liệu giám sát hành trình và sản giao dịch vận tải (iii)	-	2.724.798.647
Dự án khác và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	4.498.785.383	4.148.427.029
Cộng	10.663.453.985	14.182.544.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Dự án đang triển khai theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/HANELCOM ngày 31 tháng 05 năm 2024 của Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel - công ty con với mục tiêu sớm thu hồi vốn cho Công ty, sau thời gian tạm ngừng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 240620-01/NQ-ĐHĐCĐ- HANELCOM ngày 24 tháng 06 năm 2020.
- (ii) Phản ánh chi phí phát sinh của dự án cho Thuê phần mềm RIS PACS tại cơ sở 3 của Bệnh viện K do Công ty mẹ thực hiện.
- (iii) Trong năm, Công ty ghi giảm chi phí dở dang số tiền 2.724.798.647 VND của dự án liên quan đến hợp đồng số 176/HĐDV/2024/CĐBVN- HANEL ký với Cục Đường bộ Việt Nam và đã thanh lý ngày 25 tháng 02 năm 2025, dự án không có doanh thu được nghiệm thu tương ứng với Bộ Giao thông Vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam do các cơ quan này không còn thẩm quyền quản lý dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	5.397.168.189	5.235.985.961
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.167.728.925	1.434.449.086
Chi phí khác	3.229.439.264	3.801.536.875
b) Chi phí trả trước dài hạn	5.103.055.413	3.724.223.701
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.770.401.704	1.375.584.963
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, văn phòng	1.040.429.729	441.700.949
Chi phí thiết bị tường lửa cho gói thầu số 5	495.307.257	856.961.361
Chi phí khác	796.916.723	1.049.976.428

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số phải nộp/thu</u>	<u>Số đã thực nộp/thu</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	trong năm	trong năm	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.509.958.171	20.561.992.504	20.298.367.215	1.246.332.882
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	4.992.249.835	4.992.249.835	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.941.084.106	1.941.084.106	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.425.146.906	12.490.285.066	12.430.349.272	7.365.211.112
Thuế thu nhập cá nhân	645.530.310	2.779.803.306	3.050.570.431	916.297.435
Thuế tài nguyên	10.913.280	127.603.680	128.204.640	11.514.240
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	20.283.474.044	20.283.474.044	-
Các loại thuế khác	-	98.186.541	100.229.421	2.042.880
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	3.461.421.782	3.461.489.282	67.500
Cộng	9.591.548.667	66.736.100.864	66.686.018.246	9.541.466.049
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	701.862	783.071.690	633.529.554	150.243.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	118.445.950	-	5.073.809	113.372.141
Thuế thu nhập cá nhân	111.747.876	117.952.637	145.087.308	84.613.205
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.072.056	-	72.056	5.000.000
Cộng	235.967.744	901.024.327	783.762.727	353.229.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	83.422.439.871	327.226.905.192	19.229.577.251	3.243.843.874	905.118.662	434.027.884.850
- Mua trong năm	-	2.755.922.338	1.339.544.545	89.689.000	-	4.185.155.883
- Thanh lý, nhượng bán	(448.604.000)	(9.291.554.261)	(2.005.518.181)	-	-	(11.745.676.442)
Số dư cuối năm	82.973.835.871	320.691.273.269	18.563.603.615	3.333.532.874	905.118.662	426.467.364.291
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	74.126.704.855	274.003.229.999	16.539.934.464	2.841.833.594	905.118.662	368.416.821.574
- Khấu hao trong năm	929.214.038	11.511.176.839	700.648.120	194.020.169	-	13.335.059.166
- Thanh lý, nhượng bán	(448.604.000)	(9.291.554.261)	(2.005.518.181)	-	-	(11.745.676.442)
Số dư cuối năm	74.607.314.893	276.222.852.577	15.235.064.403	3.035.853.763	905.118.662	370.006.204.298
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	9.295.735.016	53.223.675.193	2.689.642.787	402.010.280	-	65.611.063.276
Số dư cuối năm	8.366.520.978	44.468.420.692	3.328.539.212	297.679.111	-	56.461.159.993

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có giá trị là 317.632.429.425 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 301.220.395.948 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản vay là 30.722.270.610 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 36.720.118.011 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	88.302.500.000	2.578.191.401	13.016.785.267	308.986.340	104.206.463.008
Số dư cuối năm	88.302.500.000	2.578.191.401	13.016.785.267	308.986.340	104.206.463.008
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	88.302.500.000	2.578.191.401	7.593.886.922	308.986.340	98.783.564.663
- Khấu hao trong năm	-	-	699.728.820	-	699.728.820
Số dư cuối năm	88.302.500.000	2.578.191.401	8.293.615.742	308.986.340	99.483.293.483
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	-	-	5.422.898.345	-	5.422.898.345
Số dư cuối năm	-	-	4.723.169.525	-	4.723.169.525

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 98.445.427.958 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 98.445.427.958 VND).

16. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	186.756.124.458	186.756.124.458
Số dư cuối năm	186.756.124.458	186.756.124.458
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	160.909.668.748	160.909.668.748
- Khấu hao trong năm	6.562.487.758	6.562.487.758
Số dư cuối năm	167.472.156.506	167.472.156.506
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	25.846.455.710	25.846.455.710
Số dư cuối năm	19.283.967.952	19.283.967.952

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm: Bất động sản đầu tư cho thuê và hợp tác kinh doanh bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc tại Khu Công nghiệp Sài Đồng B; số 2 Chùa Bộc và một số bất động sản đang cho thuê tại Hàng Bông, Phố Vọng, Khương Thượng và Thái Hà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.230.357.334.350	1.224.897.473.669
Khu đô thị - Công viên Công nghệ Phần mềm HN (i)	936.318.499.433	936.318.499.433
Điểm thông quan DA nội địa thành phố Hà Nội (ii)	293.888.834.917	288.428.974.236
Các dự án khác	150.000.000	150.000.000

Ghi chú:

- (i) Dự án xây dựng Khu Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội trên diện tích 43,45 ha (bao gồm 2 ô đất quy hoạch: ô K là 32,14ha, ô L là 7,33ha) tại phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Dự án hiện đã cơ bản hoàn thành, quyết toán xong các gói thầu chính phần hạ tầng kỹ thuật của ô K, tiếp tục triển khai đánh giá tác động môi trường DTM và đã được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ô L. Phần lớn các công trình trên đất đã có ý tưởng thiết kế và báo cáo nghiên cứu khả thi độc lập cho từng công trình. Công ty đang kêu gọi đầu tư để tiếp tục thực hiện dự án.
- (ii) Dự án xây dựng cảng thông quan nội địa đồng bộ tại khu vực Hà Nội, phục vụ thông quan hàng hóa tại các địa điểm đã được các cấp có thẩm quyền chấp thuận, kèm theo các dịch vụ kinh doanh phụ trợ của doanh nghiệp tại địa điểm thông quan. Dự án có quy mô 19,21 ha với tổng vốn đầu tư là 781,849 tỷ VND, Dự án đã hoàn thành xong công tác giải phóng mặt bằng và đang thực hiện công tác san nền. Dự án có thời gian bắt đầu triển khai công trình và dự kiến hoàn thành: năm 2013 đến năm 2018; được gia hạn đến quý 2 năm 2027.

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Lãi vay của Công ty TNHH Dehaco, Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel và Công ty CP Dịch vụ Điện tử Hanel (cho Công ty Cổ phần Hanel vay thực hiện dự án)	20.284.801.505	20.284.801.505
Tổng lợi nhuận chưa thực hiện	20.284.801.505	20.284.801.505
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Cộng	4.056.960.301	4.056.960.301

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	49.635.925.794	49.635.925.794	61.710.860.964	61.710.860.964
Công ty TNHH Nhựa cao su Teeeing Việt Nam	3.789.143.800	3.789.143.800	3.870.393.725	3.870.393.725
Công ty CP Biển Bạc	3.184.118.356	3.184.118.356	3.206.645.706	3.206.645.706
Công ty TNHH Toyo Ink Compounds Việt Nam	2.853.458.120	2.853.458.120	2.887.682.550	2.841.381.800
Công ty TNHH Intech Color Việt Nam	2.838.274.830	2.838.274.830	2.438.949.700	2.438.949.700
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ HAP Group	2.663.756.600	2.663.756.600	5.043.096.000	5.043.096.000
Công ty TNHH Dainichi Corlor Vietnam	2.495.459.600	2.495.459.600	3.238.507.800	4.908.347.100
Công ty CP Đầu tư và PT Xây dựng Thăng Long	1.437.539.545	1.437.539.545	1.437.539.545	1.437.539.545
Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ An Phát	-	-	6.439.659.600	6.439.659.600
Công ty TNHH Panasonic Việt Nam	641.753.626	641.753.626	2.474.554.450	2.474.554.450
Các đối tượng khác	29.018.694.702	29.018.694.702	29.960.105.273	28.336.566.723
Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan	713.726.615	713.726.615	713.726.615	713.726.615
<i>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel)</i>	<i>713.726.615</i>	<i>713.726.615</i>	<i>713.726.615</i>	<i>713.726.615</i>
b) Phải trả người bán dài hạn	12.312.043.353	12.312.043.353	12.312.043.353	12.312.043.353
Công ty CP Đầu tư và PT Xây dựng Thăng Long	9.953.278.684	9.953.278.684	9.953.278.684	9.953.278.684
Phải trả người bán dài hạn là bên liên quan	2.358.764.669	2.358.764.669	2.358.764.669	2.358.764.669
<i>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel)</i>	<i>2.358.764.669</i>	<i>2.358.764.669</i>	<i>2.358.764.669</i>	<i>2.358.764.669</i>
Cộng	61.947.969.147	61.947.969.147	74.022.904.317	74.022.904.317

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	27.492.998.895	20.470.176.350
Bệnh viện K	18.162.000.000	-
Thales Six GTS France S.A.S	5.493.622.858	6.383.772.114
Cục hồ sơ nghiệp vụ	2.974.113.800	8.497.468.000
Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long	-	5.101.910.000
Các đối tượng khác	863.262.237	487.026.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn	10.156.345.798	10.691.648.098
Chi phí dự phòng tiền lương	3.411.521.249	5.332.341.160
Chi phí dự án Thales	990.473.725	990.473.725
Chi phí thẩm định giá	-	750.000.000
Chi phí lãi vay	4.641.808.011	2.750.946.581
Chi phí phải trả khác	1.112.542.813	867.886.632
	384.458.341	-
b) Chi phí phải trả là bên liên quan		
Lãi vay phải trả Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	384.458.341	-
Cộng	10.540.804.139	10.691.648.098

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	12.090.869.149	12.442.801.715
Doanh thu cho thuê đất KCN, văn phòng	10.447.429.149	10.923.551.715
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.643.440.000	1.519.250.000
<i>Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi-Hanel</i>	<i>1.643.440.000</i>	<i>1.519.250.000</i>
b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	87.087.246.897	84.343.093.173
Doanh thu cho thuê đất KCN	87.087.246.897	84.343.093.173

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	281.180.154.732	280.483.595.536
Nhận ký quỹ ký cược (i)	21.170.314.360	21.170.314.360
Kinh phí công đoàn	481.877.156	476.711.837
Các khoản bảo hiểm	5.446.603	10.643.408
Lãi vay Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn (Công ty CP Bất động sản Hanel - Him Lam)	2.311.038.840	2.311.038.840
Phải trả quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (ii)	244.173.659.937	244.173.659.937
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.037.817.836	12.341.227.154
- Đài truyền hình kỹ thuật số VTC (iii)	8.938.038.228	8.938.038.228
- Đối tượng khác	4.099.779.608	3.403.188.926
	11.740.830.364	11.739.830.364
b) Phải trả dài hạn khác (iv)		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	607.736.633	606.736.633
Phải trả dài hạn khác là bên liên quan	11.133.093.731	11.133.093.731
<i>Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi-Hanel</i>	<i>11.133.093.731</i>	<i>11.133.093.731</i>
Cộng	292.920.985.096	292.223.425.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Trong đó bao gồm: Khoản đặt cọc của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ số tiền 20 tỷ VND theo Thỏa thuận hợp tác số 02/TTHT/HANEL-TLH ngày 29 tháng 5 năm 2017 ký giữa Công ty và Công ty TNHH Tháp Láng Hạ về việc “tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội để thực hiện dự án điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội”. Theo thỏa thuận, Công ty TNHH Tháp Láng Hạ sẽ thanh toán 40 tỷ VND cho Công ty, trong đó đặt cọc trước 20 tỷ VND, thanh toán cho Công ty 20 tỷ VND còn lại sau khi có văn bản phê duyệt/chấp thuận của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội. Trong trường hợp đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn không được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận hoặc đề án được phê duyệt nhưng tỷ lệ của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ thấp hơn 75%, Công ty sẽ phải hoàn trả lại 20 tỷ VND đặt cọc. Tại thời điểm lập báo cáo này, chưa có văn bản chấp thuận của UBND thành phố Hà Nội về phương án trên.

(ii) Khoản hoàn nhập dự phòng và gốc Cuba phải trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

Theo phụ lục trả nợ ký với Grupo De La Electronica ngày 04 tháng 7 năm 2012, Grupo De La Electronica thanh toán cho Công ty số tiền gốc và lãi đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Grupo De La Electronica đã chậm thanh toán với tổng số tiền là 23.578.191,25 USD. Công ty đã hạch toán sử dụng khoản dự phòng phải thu khó đòi Cuba số tiền 52.883.913.142 VND tương ứng với số tiền Công ty đã thực trả cho Ngân hàng Phát triển nhưng chưa thu được từ Cuba, đồng thời điều chỉnh giảm khoản Phải nộp Ngân sách Nhà nước căn cứ theo Công văn số 11458/BTC-TCNH ngày 26 tháng 10 năm 2017.

(iii) Khoản phải trả của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel - Công ty con của Công ty liên quan đến Hợp đồng liên danh số 14/HĐKT/VTC/BMTS-Hanel.17 ngày 26 tháng 10 năm 2017.

(iv) Khoản phải trả dài hạn khác bao gồm 02 khoản chính:

- Khoản Công ty TNHH Hệ thống Dây Sumi-Hanel nộp cho Công ty TNHH Dehaco - Công ty con của Công ty số tiền 7.215.224.800 VND cho mục đích cam kết bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 144/18/HĐ-DEHACO ngày 30 tháng 6 năm 2018, thời hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 về việc Công ty TNHH Dehaco góp mặt bằng, Công ty TNHH Hệ thống Dây Sumi-Hanel triển khai kinh doanh, lợi nhuận Công ty TNHH Hệ thống Dây Sumi-Hanel cam kết phân chia cho Công ty TNHH Dehaco là 19.677.885.816 VND/năm.
- Khoản Công ty TNHH Hệ thống Dây Sumi-Hanel đặt cọc cho Công ty Cổ phần Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05-2021 HĐ/HANEL HITECH - SUMI HANEL ngày 31 tháng 10 năm 2021 với số tiền 3.917.868.931 VND, hợp đồng có thời hạn 4 năm 8 tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</i>						
Vay ngắn hạn từ tổ chức tín dụng	10.269.972.062	10.269.972.062	123.991.582.971	123.721.640.909	10.000.030.000	10.000.030.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Chương Dương (i)	10.269.972.062	10.269.972.062	123.991.582.971	123.721.640.909	10.000.030.000	10.000.030.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	11.688.056.884	11.688.056.884	11.688.056.884	10.014.056.884	10.014.056.884	10.014.056.884
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (ii)	10.014.056.884	10.014.056.884	10.014.056.884	10.014.056.884	10.014.056.884	10.014.056.884
Ông Trần Văn Chiến (iv)	1.674.000.000	1.674.000.000	1.674.000.000	-	-	-
Vay ngắn hạn đối tượng khác	8.068.450.000	8.068.450.000	7.978.000.000	-	90.450.000	90.450.000
Ông Trần Văn Chiến	7.978.000.000	7.978.000.000	7.978.000.000	-	-	-
Đối tượng khác	90.450.000	90.450.000	-	-	90.450.000	90.450.000
Tổng vay và nợ ngắn hạn	30.026.478.946	30.026.478.946	143.657.639.855	133.735.697.793	20.104.536.884	20.104.536.884
<i>b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</i>						
Vay dài hạn từ tổ chức tín dụng	18.089.909.069	18.089.909.069	-	10.014.056.884	28.103.965.953	28.103.965.953
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (ii)	18.089.909.069	18.089.909.069	-	10.014.056.884	28.103.965.953	28.103.965.953
Vay dài hạn từ bên liên quan	192.229.168.920	192.229.168.920	-	-	192.229.168.920	192.229.168.920
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn (Công ty CP Bất động sản Hanel - Him Lam) (iii)	192.229.168.920	192.229.168.920	-	-	192.229.168.920	192.229.168.920
Vay dài hạn đối tượng khác	64.414.783.220	64.414.783.220	14.827.200.000	9.652.000.000	59.239.583.220	59.239.583.220
Ông Trần Văn Chiến (iv)	64.414.783.220	64.414.783.220	14.827.200.000	9.652.000.000	59.239.583.220	59.239.583.220
Tổng vay và nợ dài hạn	274.733.861.209	274.733.861.209	14.827.200.000	19.666.056.884	279.572.718.093	279.572.718.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Hanel Xốp Nhựa - Công ty con của Công ty theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 93/25/HM/VCB-CD-HNX ngày 03 tháng 10 năm 2025. Tổng hạn mức cho vay tối đa là 50.000.000.000 VND, được nhận nợ bằng cả tiền VND và USD. Hạn mức cho vay này bao gồm cả số dư nợ vay của công ty tại Ngân hàng theo hợp đồng vay theo hạn mức số 114/24/HM/VCB.CD-HNX ngày 25 tháng 9 năm 2024; thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa là 05 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Hanel Xốp Nhựa.
- (ii) Khoản vay dài hạn của Công ty TNHH ICD Hà Nội - Công ty con của Công ty theo hợp đồng cho vay số 01/HĐTD/VPB-ICD ngày 05 tháng 6 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để phục vụ dự án “Điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội”, thời hạn vay đến hết ngày 07 tháng 6 năm 2027, lãi suất vay trong năm từ 7,5%/năm - 11%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành từ dự án và vốn góp chủ sở hữu của Công ty TNHH ICD Hà Nội.
- (iii) Vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn bao gồm 2 hợp đồng:
- Hợp đồng số 03/HĐ/ĐTTB ngày 12 tháng 6 năm 2017, số tiền vay 135.000.000.000 VND, Lãi suất 0%/năm. Theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 02/PLHĐ/ĐTTB ngày 01 tháng 11 năm 2019: Thời gian cho vay tính từ thời điểm Công ty Cổ phần Hanel nhận được tiền cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, lãi suất cho vay 0,2%/năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019; lãi được trả vào cuối kỳ hạn của Hợp đồng vay. Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 03/PLHĐ/ĐTTB ngày 31 tháng 12 năm 2024: Thời gian cho vay được tính từ thời điểm Công ty Cổ phần Hanel nhận được tiền cho đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2026, khi hết thời hạn nêu trên, hợp đồng tự động gia hạn mỗi lần 12 tháng nếu hai bên không có thông báo về việc thanh lý hợp đồng.
 - Hợp đồng số 02/HĐ/ĐTTB ngày 01 tháng 7 năm 2014 để bổ sung vốn lưu động, số tiền vay 70.220.000.000 VND, lãi suất cho vay 0%/năm. Theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 02-02/PLHĐ/ĐTTB ngày 31 tháng 12 năm 2024: Điều chỉnh số gốc vay từ 70.220.000.000 VND thành 57.229.168.920 VND, thời gian cho vay tính từ thời điểm Công ty Cổ phần Hanel nhận được tiền cho đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2026, khi hết thời hạn nêu trên, hợp đồng tự động gia hạn mỗi lần 12 tháng nếu hai bên không có thông báo về việc thanh lý hợp đồng; lãi suất cho vay 0,2%/năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, lãi được trả vào cuối kỳ hạn của Hợp đồng vay.
- (iv) Khoản vay tín chấp cá nhân của Công ty TNHH ICD Hà Nội - Công ty con của Công ty để phục vụ dự án “Điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội”, thời hạn trả nợ gốc là khi Công ty có lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trừ các khoản nợ khác hoặc có nguồn vốn huy động khác, lãi suất trong năm từ 0%/năm - 11%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm trước	1.926.000.000.000	(17.944.000)	(5.796.813.665)	120.459.490.182	309.125.603.315	160.837.838.018	2.510.608.173.849
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	167.499.633.941	7.056.654.464	174.556.288.405
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(35.768.943.527)	(1.985.948.189)	(37.754.891.716)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	34.898.447.103	(42.362.280.246)	(353.119.844)	(7.816.952.987)
Tặng khác	-	-	-	-	(6.242.199)	6.242.199	-
Số dư tại ngày đầu năm nay	1.926.000.000.000	(17.944.000)	(5.796.813.665)	155.357.937.285	398.487.771.284	165.561.666.647	2.639.592.617.551
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	30.000.000	30.000.000
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	156.009.087.128	6.302.447.528	162.311.534.656
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(66.027.897.532)	(2.172.674.989)	(68.200.572.521)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	5.014.680.679	(10.971.513.798)	(691.936.655)	(6.648.769.774)
Giảm khác	-	-	-	-	(358.219.001)	(238.815.462)	(597.034.463)
Số dư tại ngày cuối năm nay	1.926.000.000.000	(17.944.000)	(5.796.813.665)	160.372.617.964	477.139.228.081	168.790.687.069	2.726.487.775.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ đã được bổ sung theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội là 1.926.000.000.000 VND. Chi tiết vốn điều lệ theo danh sách cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.886.144.000.000	97,93%	1.886.144.000.000	97,93%
Vốn của các cổ đông khác	39.856.000.000	2,07%	39.856.000.000	2,07%
Tổng cộng	1.926.000.000.000	100%	1.926.000.000.000	100,00%

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ		
- USD	612.138,01	38.130,58
- EUR	494.774,07	379.489,60
- SGD	100,00	100,00
2. Nợ khó đòi đã xử lý	3.186.990.857	3.186.990.857
3. Tài sản nhận giữ hộ	1.020	1.020
Thiết bị nhà thông minh (bộ)	1.020	1.020

27. BỘ PHẬN VỀ LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm các bộ phận sau:

- Bộ phận dự án;
- Bộ phận bán hàng hóa: thiết bị điện tử;
- Bộ phận bán thành phẩm: các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa và các chi tiết cấu kiện từ nhựa;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ: chủ yếu hoạt động cho thuê đất, nhà xưởng...

Công ty lập báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. BỘ PHẬN VỀ LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Năm nay	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Tổng
	bán hàng hóa	bán thành phẩm	cung cấp dịch vụ	dự án	khác	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	330.217.171.058	336.897.513.238	138.347.000.730	4.933.979.830	-	810.395.664.856
Giá vốn	329.082.874.875	283.647.562.417	91.697.017.249	2.726.859.811	-	707.154.314.352
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	1.134.296.183	53.249.950.821	46.649.983.481	2.207.120.019	-	103.241.350.504
Chi phí không phân bổ						107.645.699.876
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						(4.404.349.372)
Doanh thu từ hoạt động đầu tư						181.796.482.051
Chi phí từ hoạt động tài chính						(2.130.794.627)
Lãi/(Lỗ) khác						(356.049.239)
Lợi nhuận trước thuế						174.905.288.813
Thuế TNDN hiện hành						12.490.285.066
Thuế TNDN hoãn lại						103.469.091
Lợi nhuận sau thuế						162.311.534.656
Năm trước	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Tổng
	bán hàng hóa	bán thành phẩm	cung cấp dịch vụ	dự án	khác	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	276.540.272.315	349.425.914.525	141.048.577.267	17.416.629.841	-	784.431.393.948
Giá vốn	275.702.519.746	301.481.513.012	94.860.386.433	296.872.914	-	672.341.292.105
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	837.752.569	47.944.401.513	46.188.190.834	17.119.756.927	-	112.090.101.843
Chi phí không phân bổ						112.943.625.340
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						(853.523.497)
Doanh thu từ hoạt động đầu tư						190.608.205.892
Chi phí từ hoạt động tài chính						(2.287.489.999)
Lãi/(Lỗ) khác						(281.967.918)
Lợi nhuận trước thuế						187.185.224.478
Thuế TNDN hiện hành						11.745.456.968
Thuế TNDN hoãn lại						883.479.104
Lợi nhuận sau thuế						174.556.288.406

28. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Các hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể; theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu dự án	4.933.979.830	17.416.629.841
- Doanh thu bán hàng hoá	330.217.171.058	276.540.272.315
- Doanh thu bán thành phẩm	336.899.749.238	349.710.995.476
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	138.347.000.730	141.048.577.267
	810.397.900.856	784.716.474.899
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.236.000	285.080.951
- Giảm giá hàng bán	-	89.379.671
- Hàng bán bị trả lại	2.236.000	195.701.280
Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ	810.395.664.856	784.431.393.948

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dự án	2.726.859.811	296.872.914
Giá vốn hàng hoá	329.082.874.875	275.702.519.746
Giá vốn thành phẩm	283.647.562.417	301.481.513.012
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	91.697.017.249	94.860.386.433
Cộng	707.154.314.352	672.341.292.105

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.192.192.864	43.409.821.758
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.160.886.000	1.464.716.829
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.789.093.348	5.490.778.877
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	3.615.254.073	1.510.787.990
Lãi hợp tác kinh doanh	6.124.657	33.347.946
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.364.659	-
Cộng	49.768.915.601	51.909.453.400

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	961.406.208	692.459.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	371.498.948	1.369.442.646
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	789.892.354	216.238.563
Chi phí tài chính khác	7.997.117	9.349.206
Cộng	2.130.794.627	2.287.489.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.088.505.678	2.123.537.218
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	21.398.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.952.306.892	20.652.106.331
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.444.643.528	2.952.850.738
Cộng	27.485.456.098	25.749.892.377
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	45.724.610.159	43.320.370.700
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dùng văn phòng	2.408.525.383	2.053.403.306
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	4.710.546.066	3.345.846.005
Chi phí khấu hao TSCĐ	967.369.942	630.629.597
Thuế, phí và lệ phí	(4.369.970.876)	(3.365.441.289)
Chi phí dự án Giải pháp giao thông thông minh trên nền bản đồ số (i)	6.150.364.409	4.925.306.452
Chi phí thoái vốn nhà nước (ii)	1.197.000.000	-
Chi phí dự án Camera Pháp Vân - Cầu Giẽ	-	2.145.163.134
Chi phí dự án Phạm Hùng (Tòa tháp Thương mại điện tử và Văn phòng Hanel)	-	10.886.909.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.137.748.904	12.888.715.905
Chi phí bằng tiền khác	10.234.049.791	10.362.830.135
Cộng	80.160.243.778	87.193.732.963

Ghi chú:

- (i) Phân ánh chi phí của Dự án Giải pháp Giao thông thông minh trên nền bản đồ số bao gồm:
- Chi phí dở dang số tiền 2.724.798.647 VND của hợp đồng số 176/HĐDV/2024/CĐBVN-HANEL ký với Cục Đường bộ Việt Nam đã thanh lý ngày 25 tháng 02 năm 2025 và không có doanh thu được nghiệm thu tương ứng từ dự án của Bộ Giao thông Vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam do các cơ quan này không còn thẩm quyền quản lý dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình.
 - Chi phí khấu hao tài sản cố định vô hình là phần mềm đã phát triển và tài sản hạ tầng đã đầu tư cho dự án: 3.425.565.762 VND.
- (ii) Phân ánh chi phí thoái vốn tại Công ty Cổ phần Hanel bao gồm chi phí kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng năm 2018, chi phí thẩm định xác định giá trị doanh nghiệp và định giá cổ phần các Công ty con của Công ty Cổ phần Hanel.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	228.461.236.728	237.088.770.143
Chi phí nhân công	109.594.217.906	108.962.709.897
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.556.689.381	18.871.652.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.509.164.401	136.761.296.626
Chi phí khác bằng tiền	24.944.109.695	20.127.601.640
Cộng	<u>526.065.418.111</u>	<u>521.812.031.240</u>

35. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	380.876.296	393.623.339
Hoạt động hợp tác kinh doanh	-	1.721.365.961
Thu nhập khác	783.154.888	247.040.174
Cộng	<u>1.164.031.184</u>	<u>2.362.029.474</u>

36. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	345.559.761	741.479.693
Chi phí cho hoạt động hợp tác kinh doanh	-	508.103.101
Chi phí khác	1.174.520.662	1.394.414.598
Cộng	<u>1.520.080.423</u>	<u>2.643.997.392</u>

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	12.490.285.066	11.745.456.968

38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	103.469.091	883.479.104
Cộng	<u>103.469.091</u>	<u>883.479.104</u>

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	156.009.087.128	167.499.633.941
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng BDH	(3.832.110.778)	(4.594.154.035)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	152.176.976.350	162.905.479.906
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	192.600.000	192.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>790</u>	<u>846</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	304.760.340.155	299.677.254.977
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(118.903.045.622)	(135.928.306.537)
Nợ thuần	185.857.294.533	163.748.948.440
Vốn chủ sở hữu	2.726.487.775.450	2.639.592.617.551
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,07	0,06

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.903.045.622	135.928.306.537
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.972.700.897	169.413.150.762
Đầu tư tài chính ngắn hạn	829.770.012.487	707.880.600.447
Đầu tư tài chính dài hạn	54.240.463.797	60.840.463.797
Tổng cộng	1.133.886.222.803	1.074.062.521.543
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	304.760.340.155	299.677.254.977
Phải trả người bán và phải trả khác	354.381.630.484	365.758.974.972
Chi phí phải trả	10.540.804.139	10.691.648.098
Dự phòng phải trả	-	-
Tổng cộng	669.682.774.778	676.127.878.047

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Theo đó, Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo giá trị ghi sổ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất như trình bày tại Thuyết minh số 4.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá cả của các loại hàng hóa, nguyên liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá: Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất: Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.903.045.622	-	118.903.045.622
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.949.757.674	22.943.223	130.972.700.897
Đầu tư tài chính ngắn hạn	829.770.012.487	-	829.770.012.487
Đầu tư tài chính dài hạn	-	54.240.463.797	54.240.463.797
Tổng cộng	1.079.622.815.783	54.263.407.020	1.133.886.222.803
Tại ngày cuối năm			
Các khoản vay	30.026.478.946	274.733.861.209	304.760.340.155
Phải trả người bán và phải trả khác	330.328.756.767	24.052.873.717	354.381.630.484
Chi phí phải trả	10.540.804.139	-	10.540.804.139
Dự phòng phải trả	-	-	-
Tổng cộng	370.896.039.852	298.786.734.926	669.682.774.778
Chênh lệch thanh khoản thuần	708.726.775.931	(244.523.327.906)	464.203.448.025
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	135.928.306.537	-	135.928.306.537
Phải thu khách hàng và phải thu khác	169.256.595.431	156.555.331	169.413.150.762
Đầu tư tài chính ngắn hạn	707.880.600.447	-	707.880.600.447
Đầu tư tài chính dài hạn	-	60.840.463.797	60.840.463.797
Tổng cộng	1.013.065.502.415	60.997.019.128	1.074.062.521.543
Tại ngày đầu năm			
Các khoản vay	20.104.536.884	279.572.718.093	299.677.254.977
Phải trả người bán và phải trả khác	341.707.101.255	24.051.873.717	365.758.974.972
Chi phí phải trả	10.691.648.098	-	10.691.648.098
Dự phòng phải trả	-	-	-
Tổng cộng	372.503.286.237	303.624.591.810	676.127.878.047
Chênh lệch thanh khoản thuần	640.562.216.178	(242.627.572.682)	397.934.643.496

Ban Lãnh đạo đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Lãnh đạo tin tưởng rằng: các nguồn tiền thu từ hoạt động kinh doanh và từ cổ tức trong năm tới và các năm tiếp theo có thể tạo ra đảm bảo nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. THÔNG TIN KHÁC

41.1 Thông tin về việc ký các hợp đồng thuê đất với Cơ quan Nhà nước

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để ký lại hợp đồng thuê đất khi chuyển sang Công ty cổ phần.

41.2 Thông tin về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty

Theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel: Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận đề xuất của Liên ngành về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty và giao các Sở liên quan triển khai thực hiện, phương án cụ thể:

- Cơ sở nhà, đất tại số 409 Lĩnh Nam, phường Vĩnh Hưng, Hà Nội đang có tranh chấp; Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chưa xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất này. Sau khi cơ quan có thẩm quyền xử lý xong tranh chấp, Công ty Cổ phần Hanel có trách nhiệm thực hiện sắp xếp, xử lý cơ sở nhà, đất này theo quy định của pháp luật.
- Cơ sở nhà, đất tại số 165 Thái Hà, phường Đống Đa, Hà Nội: Công ty đang chờ cơ quan chức năng, sở ban ngành hướng dẫn để thực hiện bàn giao phần diện tích 126m² theo quy định (xem thêm tại Thuyết minh số 42 mục (iv)).
- Cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, phường Bạch Mai, Hà Nội: Loại ra khỏi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2011 và Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2015. Việc quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội được thực hiện theo Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội được UBND thành phố phê duyệt. Công ty đang làm thủ tục thanh lý và trả lại nhà cho Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội.

Dự án E9 Phạm Hùng: Căn cứ văn bản số 752/UBND-KTTH ngày 05/03/2025 của UBND thành phố Hà Nội chấp thuận đề xuất của Sở Tài chính tại văn bản số 8193/STC-TCĐT ngày 25/12/2024 về việc hoàn trả tiền đặt cọc và tiền sử dụng đất tạm nộp tại Khu trụ sở các Tổng Công ty thuộc khu đô thị mới Cầu Giấy do chấm dứt việc giao chủ đầu tư theo Quyết định số 4982/QĐ-UBND ngày 24/09/2024 của UBND thành phố Hà Nội. Ngày 06/08/2025, Sở Tài chính thành phố Hà Nội đã hoàn trả tiền đặt cọc và tiền sử dụng đất tạm nộp số tiền: 38.914.200.000 VND.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa nhận được quyết định của UBND thành phố Hà Nội về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành khác.

41.3 Thông tin về việc ghi nhận khoản lãi thu được từ Grupo De La Electronica - nước Cộng Hòa Cu Ba

Áp dụng nguyên tắc thận trọng trong ghi nhận các khoản thanh toán nợ tồn đọng của các đối tác tại nước Cộng hòa Cu Ba theo các hợp đồng mua bán, Công ty đã nhất quán thực hiện:

- Công ty đã ghi nhận giảm nợ gốc tương ứng với toàn bộ số tiền Công ty thực nhận (bao gồm gốc, và một phần lãi chậm thanh toán);
- Số tiền nhận được từ Grupo De La Electronica từ kỳ tháng 3 năm 2018 (sau khi đã căn trừ hết nợ gốc đến kỳ tháng 02/2018) sẽ được sử dụng để trả lãi cho Ngân hàng Phát triển ("VDB");
- Giá trị còn lại sau khi trả lãi (trả hết nợ gốc và lãi cho VDB) sẽ được nộp toàn bộ về Ngân sách Nhà nước, không ghi nhận lợi nhuận và không được phân phối tại Công ty;
- Công ty chỉ ghi nhận các giao dịch (như trên) theo số tiền thực tế được đối tác chuyển tiền thanh toán về tài khoản của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Tuy nhiên, từ tháng 8 năm 2018, Grupo De La Electronica chưa thanh toán cho Công ty. Tổng số tiền phải thu nhưng chưa thu được cho kỳ thanh toán từ tháng 8 năm 2018 đến hết năm 2019 theo Biên bản xác minh công nợ ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 23.578.191,25 USD. Theo đó, Công ty không ghi nhận khoản tiền phải thu trên vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm; Tương ứng, Công ty cũng chưa ghi nhận Chi phí tài chính đối với giá trị tiền lãi đã trả cho VDB cho đợt thanh toán từ kỳ tháng 8 năm 2018 đến hết năm 2019 là 52.883.913.142 VND.

Số tiền đã thanh toán cho VDB được cản trừ (ghi giảm) số dư Phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trên cơ sở hướng dẫn tại Công văn số 11458/-BTC-TCNH ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính gửi Thủ tướng Chính phủ và được chấp thuận "*Trường hợp đến hạn trả nợ nhưng Công ty Hanel chưa nhận được tiền từ phía Cuba thanh toán, Công ty Hanel được tạm sử dụng dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ Cuba để thanh toán nợ vay tín dụng xuất khẩu. Khi phía Cuba trả nợ, Công ty Cổ phần Hanel phải hoàn nhập...*". Công ty đang hạch toán sử dụng nguồn dự phòng phải thu khó đòi Cuba với số tiền 52.883.913.142 VND để thanh toán cho VDB, tương ứng giảm khoản Phải nộp Ngân sách Nhà nước - Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Chi tiết tại Thuyết minh số 23 (ii).

42. TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

- (i) Ngoài giá trị nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G đã được ghi nhận là 88.920.788.809 VND (Thuyết minh số 9), Công ty chưa ghi nhận khoản lãi chậm thi hành án với giá trị khoảng 54.693.208.450 VND theo nguyên tắc thận trọng. Ngày 25 tháng 8 năm 2020, Công ty đã gửi đơn kiện ra Tòa án Nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Theo Bản án phúc thẩm số 02/2023/KDTM-PT ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G phải trả cho Công ty về số nợ theo các hợp đồng hợp vốn và ứng vốn với số tiền gốc và lãi tương ứng tính đến ngày 06 tháng 7 năm 2022 là 70.000.000.000 VND và 77.613.997.259 VND.
- (ii) Ngoài khoản phải thu phát sinh trước thời điểm cổ phần hóa đã trình bày tại Thuyết minh số 41, Công ty còn có khoản công nợ phải thu của CUBAELECTRONICA HAVANA CUBA được trình bày tại thuyết minh số 7 và số 9 phát sinh từ hợp đồng mua bán số 11-I-38059-B ngày 24 tháng 8 năm 2018 với tổng số tiền là 928.367,25 USD. Công ty chưa ghi nhận tiền lãi chậm trả phát sinh của hợp đồng này đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 247.539,22 USD theo nguyên tắc thận trọng nguyên nhân do khoản công nợ phải thu này đã quá hạn thanh toán nhiều năm nhưng chưa thu được.
- (iii) Công ty chưa ghi nhận giá trị lợi thế của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17/HĐHTKD-HANEL ký với Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Vĩnh Hưng (ngày 10 tháng 10 năm 2016 Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Vĩnh Hưng đã chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình tại dự án 409 Lĩnh Nam cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Nhà và đô thị Thăng Long Việt Nam) với số tiền 15 tỷ VND, nguyên nhân do Dự án đang phát sinh tranh chấp, chưa được UBND thành phố cho phép tiếp tục triển khai dự án. Giá trị lợi thế trên chưa được xác định để tăng vốn Nhà nước khi cổ phần hóa, Công ty sẽ ghi nhận khi nhận được giá trị này.
- (iv) Ngày 03 tháng 02 năm 2025, Sở Tài chính có Văn bản số 675/STC-TCĐN đề xuất phương án xử lý: Công ty bàn giao 06 kiot tại tầng lửng (diện tích 126 m²) Tòa nhà số 165 Thái Hà, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội cho Trung tâm Quản lý nhà thành phố Hà Nội thuộc Sở Xây dựng để quản lý, khai thác đúng quy định do các tài sản này là tài sản công, chưa được xác định vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Đồng thời tiếp nhận từ Trung tâm Quản lý nhà thành phố Hà Nội các khoản hoàn trả liên quan đến các chi phí phát sinh mà Công ty đã tạm ứng cho đến thời điểm bàn giao.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, UBND thành phố Hà Nội có văn bản số 1627/VP-KTTH gửi Sở Xây dựng, Sở Tài chính về việc xử lý tài sản Công ty TNHH MTV Hanel được hưởng từ dự án đầu tư tại số 165 Thái Hà, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tại văn bản này, UBND thành phố có ý kiến chỉ đạo Sở Xây dựng rà soát, nghiên cứu, có ý kiến về đề xuất của Sở Tài chính trước ngày 20 tháng 02 năm 2025; giao Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu, báo cáo UBND thành phố về việc xử lý tài sản Công ty theo quy định của pháp luật trước ngày 28 tháng 02 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

42. TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, Công ty tiếp tục có Công văn số 168/CV-HANEL về việc hướng dẫn xử lý tài sản mà Công ty được hưởng từ dự án đầu tư tại 165 Thái Hà, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đề nghị Sở Tài chính sớm có hướng dẫn để thực hiện bàn giao phần diện tích 126m² của 06 kiots tại 165 Thái Hà, hoàn thiện thủ tục theo quy định pháp luật.

Hiện tại, Công ty đang chờ các quyết định chi đạo của UBND thành phố Hà Nội và hướng dẫn của Sở Tài chính, Sở Xây dựng để thực hiện việc bàn giao theo đề xuất trên.

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư chủ yếu với các bên liên quan đã được trình bày tại Thuyết minh số 6, 7, 8, 9, 10, 19, 21, 22, 23 và 24, trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng	54.016.259.560	51.673.172.254
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	52.711.223.560	50.368.621.588
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	900.000.000	900.000.000
Công ty CP Công nghệ Thẻ Nacencomm	405.036.000	404.550.666
Mua hàng	1.003.589.664	883.788.800
Công ty CP Daecha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	1.001.562.812	881.755.164
Công ty CP Công nghệ Thẻ Nacencomm	2.026.852	2.033.636
Chi phí lãi vay	384.458.341	385.511.640
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	384.458.341	385.511.640
Cổ tức, lợi nhuận được chia	105.907.961.000	92.412.016.829
Công ty CP Daecha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	39.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	64.302.075.000	59.577.300.000
Công ty CP Sản xuất Gia công & XNK Hanel	800.000.000	800.000.000
Công ty CP Công nghệ Thẻ Nacencomm	510.000.000	480.000.000
Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	97.500.000	136.500.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	1.063.386.000	1.063.386.000
Công ty Cổ phần Truyền hình số Miền Bắc	135.000.000	90.000.000
Công ty CP Tự động hoá và Cơ khí Điện tử Hanel	-	264.830.829

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2.429.436.546	3.924.532.350
Bà Bùi Thị Hải Yến	770.032.319	940.014.414
Ông Nguyễn Văn Hiếu	502.794.000	605.476.000
Ông Nguyễn Đình Vinh	37.496.304	971.720.648
Bà Nguyễn Minh Trang	616.389.923	795.971.288
Bà Cao Mai Khanh	502.724.000	611.350.000

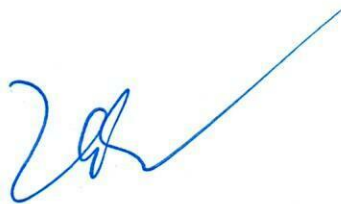
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Kiểm soát	755.919.000	874.269.000
Bà Lương Thị Kim Hậu	317.219.000	358.266.000
Bà Phùng Thị Thùy Dung	196.078.000	247.322.000
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	242.622.000	268.681.000
Thu nhập của Kế toán trưởng	447.296.000	525.581.000
Bà Bùi Thị Lệ Kiều	447.296.000	525.581.000



Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Bùi Thị Lệ Kiều
Trưởng phòng Kế toán - Tài vụ



Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc